

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-PT
Ngày: 20 - 7 - 2023
V/v “Tranh chấp yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm

Các Thẩm phán:

Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp yêu cầu về thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2023/QĐ-PT ngày 05/6/2023 và Thông báo số 494/TB-TA ngày 11/7/2023 về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh Q, sinh năm: 1964; bà Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1972; địa chỉ: Số 14 N, tổ 24, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm: 1999; địa chỉ: Số 375 Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

(Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2023).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm: 1984; bà Trần Thị Phương L, sinh năm: 1986; địa chỉ: Số 656 Quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T; cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền là bà Phan Thị Ngọc T:

Ngày 09/9/2020, ông Q, bà T thỏa thuận chuyển nhượng cho ông H, bà L hai lô đất liền kề là thửa đất số LK 293 và thửa số LK 294, cùng tờ bản đồ quy hoạch dân cư lô T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Các thửa đất nêu trên đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần lượt số BY 178153 ngày 20/3/2015 và số AP 862331 ngày 04/11/2009. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 12.000.000.000 đồng, tức giá chuyển nhượng mỗi thửa đất là 6.000.000.000 đồng. Cùng ngày 09/9/2020, ông Q, bà T và ông H, bà L ký kết hai hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng công chứng số 3 tỉnh L đối với hai thửa đất số LK 293, LK 294, số công chứng 1971 và 1970, quyển số 33 TP/CC-SCC/HDGD. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng tại Điều 4, bên nhận chuyển nhượng là ông H, bà L sẽ có trách nhiệm nộp mọi khoản thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng. Do đó ông H, bà L yêu cầu ghi giá chuyển nhượng trong mỗi hợp đồng là 400.000.000 đồng để giảm số thuế phải nộp. Sau đó, ông H, bà L đã nộp các khoản thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng để thực hiện thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà L. Tuy nhiên, sau khi đã được cập nhật tên người sử dụng tại trang IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H, bà L không thanh toán số tiền chuyển nhượng còn thiếu cho ông Q, bà T là 7.000.000.000 đồng nên ông Q, bà T đã khởi kiện ông H, bà L đến Tòa án nhân dân huyện Đ yêu cầu ông H, bà L phải trả số tiền chuyển nhượng còn thiếu trên cho ông Q, bà T. Vụ án trên đã được giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ và Bản án dân sự phúc thẩm số 51/2022/DS-PT ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L. Tại hai bản án trên Tòa án đều xác định giá trị chuyển nhượng hai thửa đất số LK 293, LK 294 là 12.000.000.000 đồng. Do đó, ngày 17/10/2022, Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ có biên bản làm việc số 2/10/2022BB-LV và số 3/10/2022/BB-LV về việc xác định lại lệ phí trước bạ, thuế thu nhập cá nhân hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Q, bà T chuyển nhượng cho ông H, bà L. Dựa trên hai biên bản này, ngày 28/10/2022 Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ ban hành Thông báo về việc nộp thuế thu nhập cá nhân số 3813/TB-CCTKV và số 3810/TB-CCTKV đối với thửa đất số LK 293 và thửa đất số LK 294. Theo đó, ông Q, bà T phải nộp bổ sung tiền thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi thửa đất là 96.806.016 đồng. Ngày 28/10/2022, Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ ban hành Quyết định về việc xử phạt hành chính về thuế số 599/QĐ-CCTKV và số 598/QĐ-CCTKV đối với hành vi sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số thuế phải nộp đối

với giao dịch chuyển nhượng thửa đất số LK 293 và thửa đất LK 294. Số tiền phạt ông Q, bà T phải nộp đối với mỗi giao dịch chuyển nhượng là 96.806.016 đồng. Tổng số tiền thuế thu nhập cá nhân bổ sung ông Q, bà T phải nộp là 193.612.000 đồng (đã làm tròn) và số tiền phạt là 193.612.000 đồng (đã làm tròn), tổng cộng là 387.224.000 đồng. Ngày 04/11/2022, ông Q, bà T đã nộp đầy đủ số tiền thuế và số tiền phạt vào ngân sách nhà nước. Trong khi đó theo thỏa thuận tại Hợp đồng chuyển nhượng ông H, bà L có nghĩa vụ phải nộp mọi khoản thuế, phí liên quan đến việc chuyển nhượng hai thửa đất số LK 293 và LK 294. Và việc ông Q, bà T bị phạt do sử dụng chứng từ, tài liệu không phản ánh đúng giá trị giao dịch thực tế để xác định sai số thuế phải nộp đối với giao dịch chuyển nhượng thửa đất số LK 293 và LK 294, nguyên nhân là do lỗi ông H, bà L khi tại thời điểm chuyển nhượng ông H, bà L yêu cầu công chứng viên ghi giá chuyển nhượng trong mỗi hợp đồng là 400.000.000 đồng để giảm số thuế ông H, bà L phải nộp. Do đó, ông Q, bà T yêu ông H, bà L phải trả cho ông Q, bà T số tiền thuế thu nhập cá nhân bổ sung và số tiền phạt vi phạm hành chính, tổng cộng là 387.224.000 đồng.

Nay ông Q, bà T khởi kiện buộc ông H, bà L phải trả cho ông Q, bà T số tiền thuế thu nhập cá nhân bổ sung 193.612.000 đồng; tiền phạt vi phạm hành chính là 193.612.000 đồng. Tổng cộng là 387.224.000 đồng.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L:

Do có mối quan hệ thân quen nên ông bà có cho ông Q, bà T mượn tiền nhiều lần với số tiền là 8.000.000.000 đồng để giải quyết công việc gia đình. Đến cuối tháng 8/2020, ông Q, bà T không có khả năng trả nợ nên đã gọi ông bà lên bàn bạc thống nhất chuyển nhượng hai lô đất LK293 và LK 294 thuộc tờ bản đồ quy hoạch lô T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L với số tiền là 12.000.000.000 đồng. Lúc đó hai lô đất này ông Q, bà T đang thế chấp tại ngân hàng Eximbank. Hai bên thống nhất chuyển số nợ 8.000.000.000 đồng sang tiền chuyển nhượng đất, ông bà đã phải trả thêm cho ông Q, bà T 5.000.000.000 đồng nữa để ông Q, bà T làm thủ tục xóa thế chấp, rút giấy chứng nhận từ ngân hàng ra để làm thủ tục sang nhượng cho ông bà. Nhưng khi ra Phòng công chứng số 3 tỉnh L để làm thủ tục sang nhượng thì phía gia đình ông bà Quan, bà T đã đề nghị chỉ ghi giá 400.000.000 đồng/lô, tổng hai lô là 800.000.000 đồng (kèm theo phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, văn bản ngày 09/9/2020 do bà Phạm Thị Bích T yêu cầu) nhằm mục đích giảm số tiền thuế phải nộp. Do ông Q, bà T là gia đình quan chức ngại phải đi tới đi lui nên ông bà đã đề nghị ghi trong hợp đồng là thuế phí và lệ phí do bên ông bà chịu để tiện trong quá trình làm hồ sơ. Còn thực chất tổng số tiền thuế thu nhập cá nhân của ông Q, bà T bao nhiêu sẽ về thanh toán lại cho ông bà sau khi hoàn tất hồ sơ. Việc yêu cầu lập

hồ sơ gian dối này hoàn toàn là do ông Q, bà T chủ mưu vì ông bà chỉ là phận lính lác, chỉ là con cháu trong nhà nên phải chấp hành theo. Chi cục thuế khu vực Đ - Đ căn cứ vào Công văn số 624/TA-DS ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L về việc trả lời nội dung Công văn số 625/CV-CCTV của Chi cục Thuế khu vực Đ-Đ xin ý kiến về việc bên nhận chuyển nhượng hay bên chuyển nhượng phải nộp thuế và các khoản truy thu khác theo Bản án số 51/2022/DS-PT ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L; căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn; Căn cứ vào luật phí - lệ phí và các văn bản hướng dẫn; căn cứ Bản án số 51/2022/DS-PT ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Ngày 28/10/2022, Chi cục thuế khu vực Đ - Đ đã xác định với giá mua bán là 12.000.000.000 đồng thì bên bán phải chịu thuế thu nhập cá nhân, bên mua phải chịu lệ phí trước bạ. Do đó đã ban hành thông báo truy thu thuế và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho cả bên bán và bên mua. Ngày 03/11/2022, bà T lại có đơn kiến nghị gửi lên Cục trưởng cục thuế L để khiếu nại về việc nộp thuế thu nhập cá nhân, truy thu và xử phạt vi phạm hành chính theo giá thực tế chuyển nhượng bất động sản thì đến ngày 15/11/2022 Chi cục thuế khu vực Đ - Đ đã trả lời đơn kiến nghị cho bà T theo Công văn số 679/CV-CCTKV là việc ban hành Thông báo truy thu và quyết định xử phạt vi phạm hành chính như trên là hoàn toàn đúng và dựa vào các căn cứ của pháp luật. Qua yêu cầu khởi kiện nêu trên của ông Q, bà T thì ông bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Xử.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L có nghĩa vụ thanh toán trả lại cho ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích Thủy số tiền thuế thu nhập cá nhân truy thu là 193.612.000 đồng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả lại cho ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích Thủy số tiền thuế thu nhập cá nhân truy thu là 193.612.000 đồng.

2/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T về việc yêu cầu ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L có nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hành chính là 193.612.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 28/3/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận và giữ nguyên kháng cáo đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đình chỉ đối với phần rút kháng cáo, Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L rút một phần yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu không được chấp nhận của nguyên đơn đối với nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hành chính là 193.612.000 đồng. Xét việc rút kháng cáo đối với yêu cầu này là tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận để đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[1.2] Xuất phát từ việc nguyên đơn ông Q, bà T khởi kiện yêu cầu ông H, bà Lan có nghĩa vụ thanh toán trả lại cho ông bà tiền truy thu thuế thu nhập cá nhân và tiền phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 387.224.000 đồng. Bị đơn ông H, bà Lan không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L thấy rằng:

[2.1] Ngày 09/9/2020, ông Q, bà T thỏa thuận chuyển nhượng cho v ông H, bà L 02 lô đất và công trình xây dựng trên đất cụ thể: Lô đất có diện tích 129,2m² thuộc thửa LK 293 và diện tích đất 129,2m² thuộc thửa LK294, đều cùng tờ bản đồ quy hoạch dân cư lô T, thị trấn L, huyện Đ. Hợp đồng chuyển nhượng được Phòng công chứng số 3 tỉnh L công chứng theo quy định. Theo Hợp đồng chuyển nhượng ghi giá 400.000.000đồng/1 lô. Tại Điều 4 của Hợp đồng các bên thỏa thuận mọi

loại thuế và lệ phí do bên B (bên nhận chuyển nhượng là ông H, bà L chịu). Hồ sơ chuyển nhượng chuyển qua cơ quan thuế. Do giá chuyển nhượng ghi trong Hợp đồng thấp chỉ 400.000.000đồng/ 1 lô, cơ quan thuế đã áp giá chuyển nhượng theo bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh L quy định là $129,2\text{m}^2 \times 8.976.000\text{đồng} = 1.159.699.200\text{đồng/1 lô}$. Theo quy định thuế trước bạ phải nộp $5.798.496\text{đồng/1 lô} \times 2 \text{ lô} = 11.596.992\text{đồng}$; Thuế thu nhập cá nhân $23.193.984 \text{ đồng/1 lô} \times 2 \text{ lô} = 46.387.968\text{đồng}$. Tất cả 02 loại thuế này đều do ông H, bà L là bên nhận chuyển nhượng nộp cho nhà nước. Như vậy, ông H, bà L đã thực hiện đúng theo Điều 4 của Hợp đồng chuyển nhượng mà hai bên đã ký kết. Sau khi nộp các loại thuế và phí xong thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã đăng ký biến động tại trang IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung chuyển nhượng cho ông H, bà L.

[2.2] Do các bên có tranh chấp về số tiền chuyển nhượng nên ông Q, bà T khởi kiện. Tại Bản án phúc thẩm số 51/2022/DS-PT ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L buộc ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán số tiền chuyển nhượng còn thiếu là 7.000.000.000 đồng cho ông Q, bà T. Bản án có hiệu lực thi hành, cơ quan Thuế tiến hành các thủ tục truy thu thuế, lệ phí và xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng do ghi không đúng giá trị thực tế chuyển nhượng cụ thể: Chi cục Thuế ra Thông báo về việc nộp thuế thu nhập cá nhân truy thu số 3813/TB-CCTKV và số 3810/TB-CCTKV ngày 28/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ đối với ông Q, bà T với tổng số tiền thuế thu nhập cá nhân phải truy thu là 193.612.032đồng/ 02 lô; Quyết định về việc xử phạt hành chính về thuế số 598/QĐ-CCTKV và số 599/QĐ-CCTKV ngày 28/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ, số tiền ông Q, bà T phải nộp là 193.612.032 đồng. Thực hiện các thông báo trên nguyên đơn đã nộp đủ số tiền trên. Sau đó khởi kiện bị đơn ông H, bà L trả lại số tiền này. Còn bị đơn ông H, bà L không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp.

[2.3] Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì về trình tự thủ tục cơ quan Thuế ban hành các Thông báo nộp thuế, lệ phí, các Quyết định xử phạt về thuế, lệ phí đúng trình tự thủ tục, đúng quy định. Theo quy định tại Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP, khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản phải chịu thuế thu nhập cá nhân là khoản thu nhập nhận được từ việc chuyển nhượng bất động sản bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Theo Luật thuế thu nhập cá nhân, thông thường bên chịu thuế là bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn bên mua không phải chịu khoản

thuế này. Tuy nhiên, khi thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu các bên trong hợp đồng thỏa thuận bên nhận chuyển nhượng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính về thuế thì khoản thuế thu nhập cá nhân bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải nộp. Theo quy định hiện nay mức thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản là 2%, tiền thuế thu nhập cá nhân chuyển nhượng đất hai bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng chuyển nhượng, bên có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2.4] Việc Chi cục Thuế ra Thông báo về việc nộp thuế thu nhập cá nhân truy thu số 3813/TB-CCTKV và số 3810/TB-CCTKV ngày 28/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ, tổng số tiền thuế thu nhập cá nhân phải truy thu là 193.612.032 đồng/02 lô; Quyết định về việc xử phạt hành chính về thuế số 598/QĐ-CCTKV và số 599/QĐ-CCTKV ngày 28/10/2022 của Chi cục Thuế khu vực Đ - Đ, số tiền ông Q, bà T phải nộp là 193.612.032 đồng là căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 51/2022/DS-PT ngày 16/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này và không có khiếu nại, thắc mắc gì đối với thông báo và quyết định trên của cơ quan thuế.

Nguyên đơn cho rằng các bên đã thỏa thuận tại Điều 4 của 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung hai bên đã thỏa thuận với nhau về trách nhiệm nộp thuế, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo Hợp đồng do bên B là ông H, bà L là bên nhận chuyển nhượng chịu trách nhiệm nộp nên đòi lại số tiền trên. Xét thấy sự thỏa thuận này là sự tự nguyện giữa các bên, khi ký kết hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi ký kết các bên đều biết quyền lợi, nghĩa vụ của mình và bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng cũng như phân xác định lại giá trị chuyển nhượng để đóng thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế phí khác liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Hơn nữa, các bên cũng không thỏa thuận ai là người phải chịu nghĩa vụ đóng thế đối với số tiền chuyển nhượng ngoài hợp đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ về phí chuyển nhượng cũng như việc bị đơn nhận nộp thay thuế thu nhập cá nhân đối với bên chuyển nhượng. Do đó, cần căn cứ Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP để xác định nguyên đơn là người có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản phải chịu thuế thu nhập cá nhân phần thỏa thuận ngoài hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán lại cho nguyên đơn tiền thuế thu nhập cá nhân bị truy thu 193.612.000 đồng là không đúng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L; sửa Bản án sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 16/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L đối với yêu cầu không được chấp nhận của nguyên đơn ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích Thủy đối với nghĩa vụ thanh toán tiền phạt vi phạm hành chính là 193.612.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L có nghĩa vụ thanh toán trả lại cho ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T số tiền thuế thu nhập cá nhân truy thu là 193.612.000 đồng và số tiền phạt vi phạm hành chính là 193.612.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T phải chịu 19.361.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 9.880.600 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008396 ngày 16/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Phạm Thanh Q, bà Phạm Thị Bích T còn phải nộp thêm số tiền 9.480.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm còn thiếu.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành H, bà Trần Thị Phương L mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013287 và 0013286 cùng ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Phòng KTNV&THA;
- Đường sự (03);
- Lưu hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Tâm